| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LONG MỸ**<br>**TỈNH HẬU GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 5 – 2024
V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thừa.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Huỳnh Mỹ Phương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn số: 59/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị X, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp L, xã H, huyện LM, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp K, xã P, huyện LM, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị X trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trịnh Văn T tự nguyện kết hôn năm 2000, không có tổ chức đám cưới và không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2020 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, lối sống nên hai bên không tìm được sự đồng cảm trong cuộc sống vợ chồng mặc dù đã cố gắng hàn

gắn và động viên nhau. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn với anh Trịnh Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Thị Tuyết A (giới tính: nữ), sinh ngày 12/3/2003; con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trịnh Văn T trình bày:* Anh và chị Lê Thị X tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị X đi làm ăn xa, vợ chồng không thường xuyên liên hệ dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, hiện anh chị đã không còn chung sống với nhau nữa. Anh vẫn còn tình cảm vợ chồng nhưng do chị X cương quyết ly hôn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị X.

Về con chung: Anh và chị X có 01 con chung là Trịnh Thị Tuyết A (giới tính: nữ), sinh ngày 12/3/2003; con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; anh Trịnh Văn T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Về thủ tục tố tụng:*

[1]. Chị Lê Thị X và anh Trịnh Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn và có yêu cầu giải quyết ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn". Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Bị đơn anh Trịnh Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Tuấn nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định pháp luật.

*Về nội dung vụ án:*

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị X và anh Trịnh Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, không có đăng ký kết hôn theo quy định nên không được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên yêu cầu giải quyết ly hôn.

Chị X và anh T xác định do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nên giữa anh chị thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Hai bên đã tìm cách hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thành, hiện không thể sống chung với nhau được nữa nên chị X và anh T thống nhất ly hôn. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự, căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, có cơ sở xác định: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị X và anh T thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do chị X và anh T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị X và anh T.

[4]. Về con chung: Quá trình chung sống, chị X và anh T có 01 con chung là Trịnh Thị Tuyết A (giới tính: nữ), sinh ngày 12/3/2003. Con chung đã trưởng thành có cuộc sống riêng, chị X và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị X và anh T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị X phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị X đối với anh Trịnh Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị X và anh Trịnh Văn T.

2. Về con chung: Con đã trưởng thành có cuộc sống riêng, chị Lê Thị X và anh Trịnh Văn T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị X và anh Trịnh Văn T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị X phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010057 lập ngày 09/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

5. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tống đạt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Ngô Thừa**